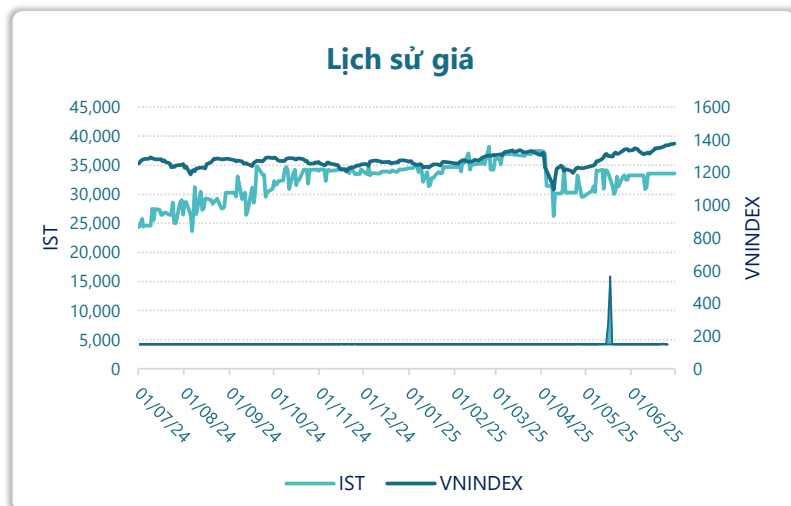


CTCP ICD Tân Cảng Sóng Thần (UPCOM: IST)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	35,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	38,190
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,648
SL cổ phiếu LH	15,008,492
KLGD BQ 20 phiên (CP)	170
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	530
P/E	7.1
EPS	4,990

DT thuần

Q2/25

137

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 19.0 | 16.3%

YoY: ▲ 19.0 | 16.3%

LN sau thuế

Q2/25

27.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 10.3 | 61.0%

YoY: ▲ 7.90 | 41.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

25.1%

+/- YoY: ▲ 4.1%

DT thuần

6T 2025

255

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 37.0 | 16.8%

LN sau thuế

6T 2025

44.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 9.40 | 27.0%

ROE

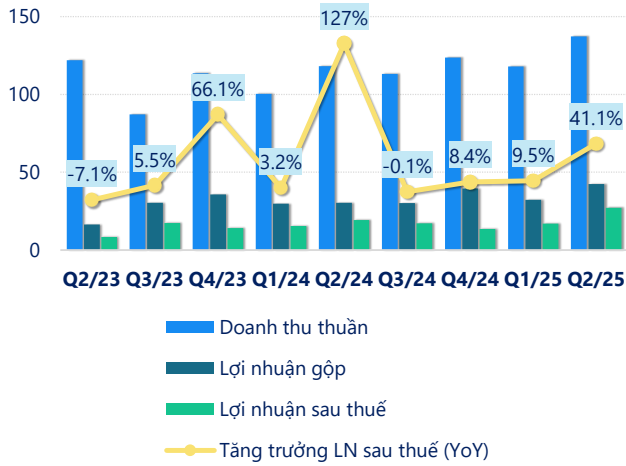
Q2/25

31.1%

+/- YoY: ▲ 1.1%

tỷ VNĐ

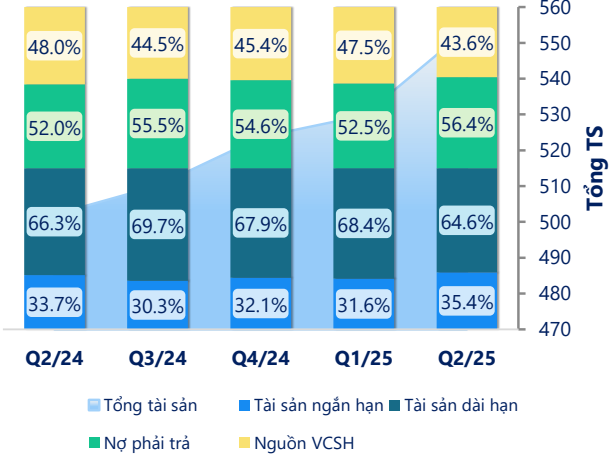
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

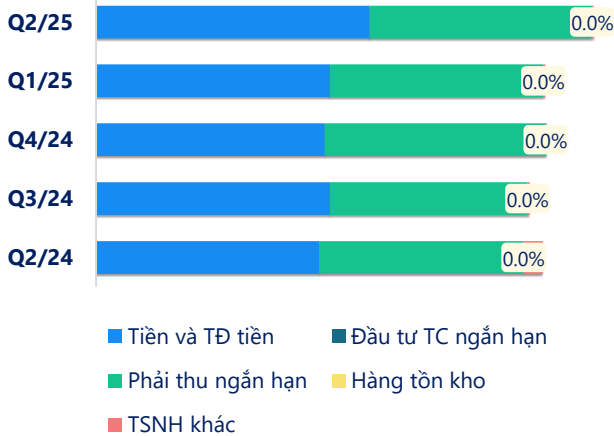
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



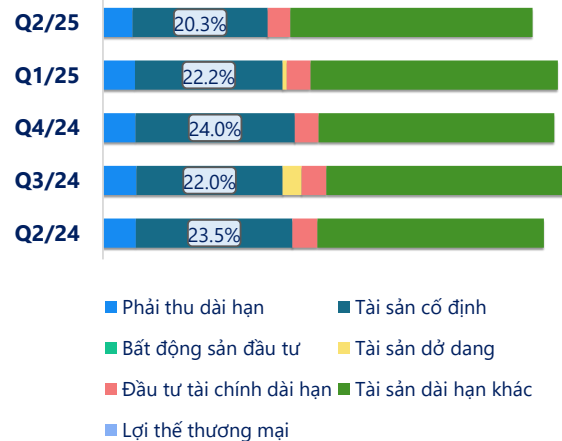
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

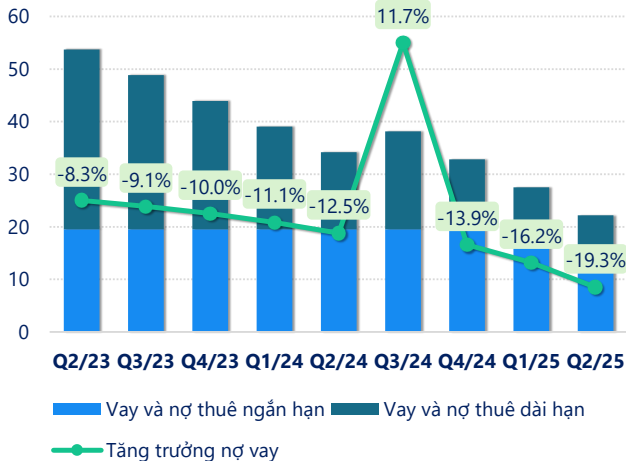
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

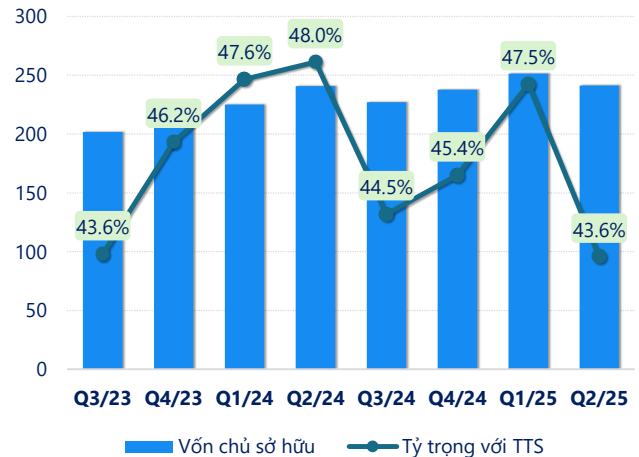
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

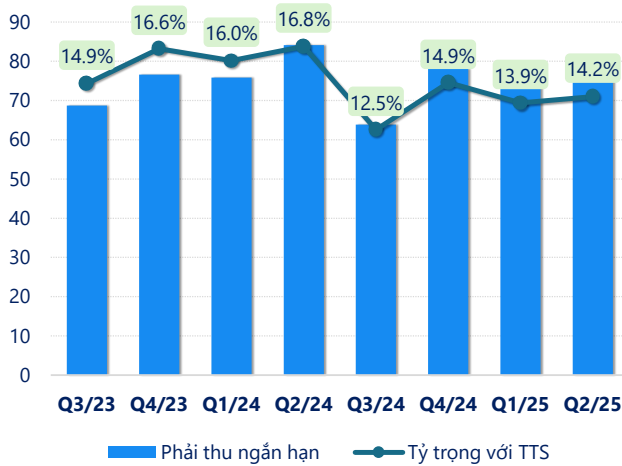
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



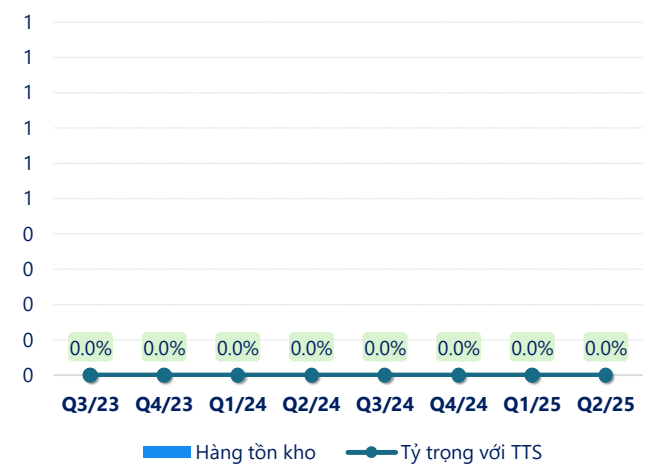
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


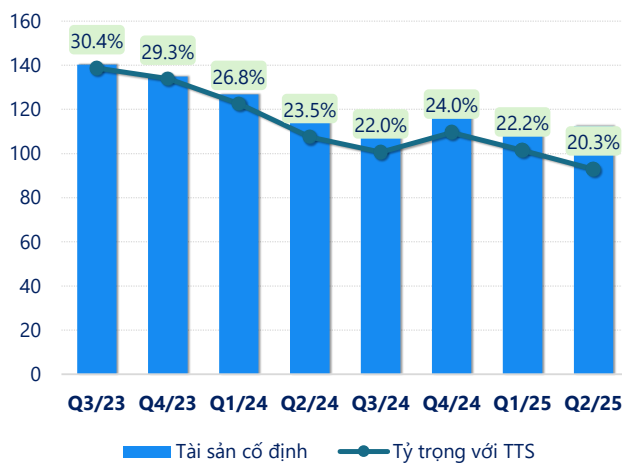
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


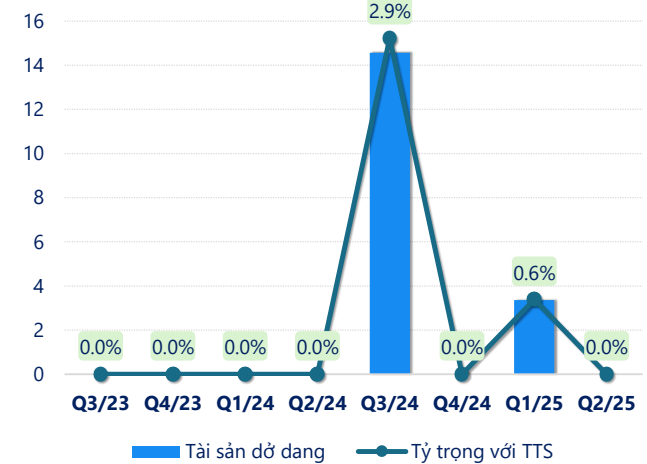
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

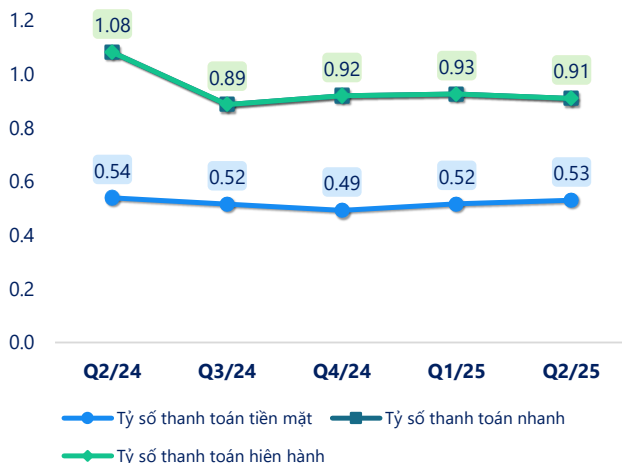
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

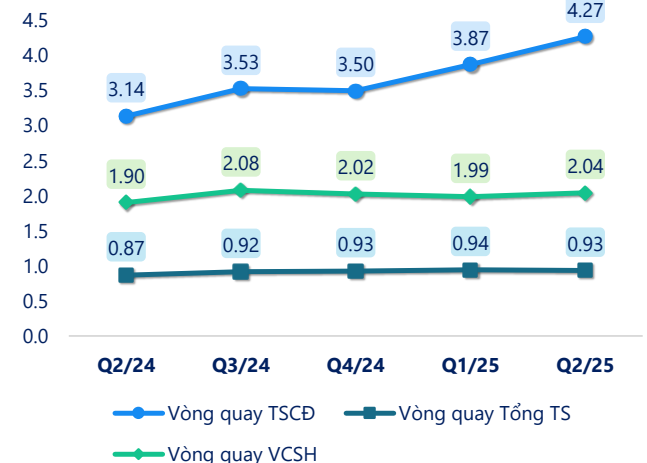
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	502	510	524	530	554
Tài sản ngắn hạn	169	154	168	167	196
Tiền và tương đương tiền	84.2	89.8	90.1	93.3	114
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	84.1	63.8	78.1	73.5	78.6
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	0.56	0.82	0	0.26	3.19
Tài sản dài hạn	333	356	356	363	358
Phải thu dài hạn	25.0	25.7	25.6	25.6	24.8
Tài sản cố định	118	112	126	118	112
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	14.6	0	3.36	0
Đầu tư tài chính dài hạn	18.8	18.8	18.8	18.8	18.8
Tài sản dài hạn khác	171	184	186	197	202
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	261	283	286	278	313
Nợ ngắn hạn	156	174	183	180	215
Vay và nợ thuê ngắn hạn	19.5	19.5	21.3	21.3	16.4
Phải trả người bán ngắn hạn	32.2	33.4	57.0	51.0	41.6
Nợ dài hạn	105	109	103	97.8	97.3
Vay và nợ thuê dài hạn	14.7	18.6	11.6	6.23	5.77
Nguồn vốn chủ sở hữu	241	227	238	251	241
Vốn chủ sở hữu	241	227	238	251	241
Vốn điều lệ	120	120	150	150	150
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)